

Bản án số: 05/2024/DS-ST
Ngày: 19-3-2024
“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC HOÁ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Đặng Nguyễn Phương C

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Quốc T
2. Ông Nguyễn Ngọc N

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Ngọc T - Thư ký Toà án nhân dân huyện Mộc Hoá, tỉnh Long An

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Hoá tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Hồng P - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mộc Hoá, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 01 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Nguyễn Tấn N, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Bình Nam, xã Bình Hoà Trung, huyện Mộc Hoá, tỉnh Long An

2. Bị đơn: bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1967 (có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện M, tỉnh Long An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn là ông Nguyễn Tấn N thể hiện:

Vào ngày 05/10/2021, ông Nguyễn Tấn N có cho bà Nguyễn Thị T vay 46.000.000 đồng, thoả thuận mức lãi suất là 100.000 đồng/1.000.000 đồng tiền gốc/01 tháng. Bà T hẹn sẽ trả dần số tiền vay trong 23 tháng, mỗi tháng trả 2.000.000 đồng. Từ ngày vay tiền đến nay, bà T đã trả tiền nhiều lần tổng cộng 24.000.000 đồng, còn nợ lại 22.000.000 đồng. Bà T hứa hẹn nhiều lần nhưng

không trả số tiền nợ còn lại.

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 27/12/2023, ông **N** yêu cầu bà **T** có nghĩa vụ trả số tiền gốc 22.000.000 đồng và yêu cầu trả tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày nộp đơn khởi kiện là ngày 27/12/2023 cho đến ngày giải quyết xong vụ kiện. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai ngày 27/02/2024, ông **N** chỉ yêu cầu bà **T** trả số tiền gốc là 22.000.000 đồng, không yêu cầu bà **T** trả tiền lãi.

*** Theo bản tự khai ngày 19/01/2024, bị đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày:**

Vào ngày 05/10/2021, bà **T** có vay của ông **N** 46.000.000 đồng, thoả thuận mỗi tháng trả 2.000.000 đồng. Bà **T** đã trả được 24.000.000 đồng, còn nợ lại 22.000.000 đồng. Bà **T** thống nhất số tiền gốc hiện còn nợ ông **N** là 22.000.000 đồng. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên bà **T** xin trả dần số tiền nợ cho ông **N**, còn tiền lãi thì bà **T** xin không trả lãi nữa.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

* Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà **T** trả số tiền gốc 22.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi.

* Bị đơn đồng ý trả số tiền gốc 22.000.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, đã vắng mặt không lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải.

- Về việc giải quyết vụ án:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn ông **Nguyễn Tấn N** yêu cầu bà **Nguyễn Thị T** trả số tiền 22.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 0,83%/tháng kể từ ngày 27/12/2023 đến khi tòa án xét xử. Tại biên bản ghi lời khai ngày 27/02/2024 và tại phiên tòa hôm nay ông **N** chỉ yêu cầu bà **T** trả số tiền 22.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi.

Xét yêu cầu trả nợ vay của ông **N** nhận thấy: trong hợp đồng trả tiền ngày 05/10/2021 thể hiện các nội dung: bà **T** có vay của ông **N** số tiền 46.000.000 đồng, trả dần trong 23 tháng, mỗi tháng trả 2.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền vay. Bà **T** đã trả cho ông **N** được 24.000.000 đồng, còn nợ lại 22.000.000 đồng. Trên hợp đồng có chữ ký xác nhận của bà **T**. Tại bản tự khai ngày 19/01/2024 và tại phiên tòa hôm nay, bà **T** thừa nhận thống nhất với lời trình bày của ông **N** về số tiền đã vay, mức lãi suất khi vay, số tiền đã trả và số tiền mà bà **T** còn nợ lại ông **N**. Tuy nhiên, do điều kiện kinh tế khó khăn nên bà **T** xin trả dần tiền cho ông **N** mỗi tháng 1.000.000 đồng, nhưng ông **N** không đồng ý. Như vậy, việc bà **T** có vay và

còn nợ ông **N** số tiền 22.000.000 đồng là sự thật, nên bà **T** phải có nghĩa vụ trả số tiền vay 22.000.000 đồng cho ông **N** là hoàn toàn phù hợp.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Nguyễn Tấn N**. Buộc bà **Nguyễn Thị T** có nghĩa vụ trả cho ông **N** số tiền vay là 22.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa các đương sự là tranh chấp về dân sự. Bị đơn là bà **Nguyễn Thị T** có địa chỉ cư trú tại **ấp B, xã B, huyện M, tỉnh Long An** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hoá, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn ông **Nguyễn Tấn N** yêu cầu bị đơn bà **Nguyễn Thị T** có nghĩa vụ trả số tiền gốc đã vay còn nợ là 22.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi.

Xét thấy: Vào ngày 05/10/2021, bà **T** có vay của ông **N** 46.000.000 đồng, thoả thuận trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng. Từ ngày vay đến nay bà **T** đã trả nợ được nhiều kỳ với tổng số tiền 24.000.000 đồng, còn nợ 22.000.000 đồng. Khi vay tiền bà **T** có ký tên và ghi họ tên tại mục người trả nợ trong Hợp đồng trả tiền ngày 05/10/2021. Ông **N** khởi kiện và đã cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là “Hợp đồng trả tiền” có chữ ký của bà **T**. Tại bản tự khai ngày 19/01/2024 và tại phiên toà hôm nay, bà **T** cũng thừa nhận số tiền gốc còn nợ ông **N** là 22.000.000 đồng nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ. Ông **N** không đồng ý đề nghị trả dần của bà **T**. Vì vậy Hội đồng xét xử cần buộc bà **T** có nghĩa vụ trả số tiền nợ cho ông **N** là 22.000.000 đồng.

Về tiền lãi: Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/02/2024 và tại phiên toà hôm nay, ông **N** không yêu cầu bà **T** trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông **N** được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà **T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn N đối với bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu trả tiền vay.

Buộc bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Tấn N số tiền 22.000.000 đồng (*Hai mươi hai triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Tấn N không phải chịu án phí nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 550.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002764 ngày 24/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Hoá, tỉnh Long An.

Bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ chịu 1.100.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Mộc Hoá;
- THADS huyện Mộc Hoá;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Nguyễn Phương C

